

Số: /QĐ-SNV

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư
Dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ,
công chức, viên chức Ninh Thuận”

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí thường xuyên thuộc nguồn ngân sách nhà nước; Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định 671/QĐ-BTTTT ngày 26/04/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-BNV ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ và giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 84/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Công văn 1739/UBND-VXNV ngày 22/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất đầu tư dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức Ninh Thuận”;

Căn cứ Kế hoạch số 2320/KH-SNV ngày 17/6/2024 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện Dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Văn thư - Lưu trữ và Trưởng phòng Tổ chức bộ máy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức Ninh Thuận” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận”

2. Chủ đầu tư: Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận.

3. Địa điểm thực hiện:

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập các cấp và các tổ chức Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc tỉnh.

- Cài đặt phần mềm hệ thống tại Hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

5. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

6. Hình thức đầu tư: Đầu tư mới.

7. Quy mô đầu tư:

Dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận” được đầu tư, triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước, quản lý cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và các nhiệm vụ có liên quan trong quản lý, sử dụng, khai thác thông tin dữ liệu điện tử của CBCCVC, người lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; đồng thời, đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu các trường thông tin dữ liệu, cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu Cơ sở dữ liệu (CSDL) Quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước theo quy định tại Quyết định 356/QĐ-BNV ngày 17/5/2023 của Bộ Nội vụ.

8. Khái toán kinh phí đầu tư: 3.510.448.890 đồng (Ba tỷ, năm trăm mười triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi đồng).

Trong đó:

Chi phí xây dựng phần mềm sau thuế	3.228.549.877	đồng
Chi phí quản lý dự án	59.889.600	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư	149.321.512	đồng
Chi phí khác	65.495.000	đồng
Chi phí dự phòng	7.192.901	đồng

9. Các nhiệm vụ thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Thuận”.

- a. Quản lý dự án.
- b. Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn Lập đề cương và dự toán chi tiết.
- c. Thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn Lập đề cương và dự toán chi tiết.
- d. Lập đề cương và dự toán chi tiết;
- đ. Thẩm tra đề cương và dự toán chi tiết;
- e. Thẩm định giá;

(Chi phí thực hiện theo Phụ lục Khái toán tổng mức đầu tư đính kèm)

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước thuộc tỉnh *(theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh).*

Điều 2: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án “Xây dựng phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức Ninh Thuận” là căn cứ để triển khai các bước tiếp theo của dự án.

Giao phòng Tổ chức bộ máy và phòng Hành chính, Văn thư - Lưu trữ có trách nhiệm phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng nội dung tại Điều 1 của Quyết định này và theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Trưởng phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCBM; HCVTLT.

GIÁM ĐỐC

Trần Hải

PHỤ LỤC
KHAI TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG
PHẦN MỀM QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH NINH THUẬN

(Đính kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày/6/2024 của Sở Nội vụ)

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
I	Chi phí xây lắp				0	0	Gxl	
II	Chi phí trang thiết bị và lắp đặt thiết bị			3.228.549.877	0	3.228.549.877	Gtb	
1	Hạng mục mua sắm thiết bị CNTT				0	0	Gtb1	Theo báo giá
2	Chi phí xây dựng phần mềm quản lý CBCCVC			3.210.099.903		3.210.099.903	GPMNB	Dự toán chi tiết theo định mức 671/QĐ-BTTTT
3	Chi phí đào tạo và hướng dẫn sử dụng			18.449.974		18.449.974	GĐT	Danh mục đào tạo các tiêu chí
III	Chi phí quản lý dự án	1,855%	tỷ lệ* Gpmnb+Gđt	54.445.091	5.444.509	59.889.600	Gqlda	Bảng 1, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
IV	Chi phí tư vấn đầu tư dự án		Gks+Gtv1+Gtv2 +Gtv3+Ggs	135.746.829	13.574.683	149.321.512	Gtv	
1	Chi phí lập Đề cương và dự toán chi tiết xây dựng phần mềm quản lý CBCCVC	3,644%	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	116.976.040	11.697.604	128.673.644		

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
2	Chi phí thẩm tra Đề cương và dự toán chi tiết		$(40\% * G_{tv2.1}) + (70\% * G_{tv2.2}) + (70\% * G_{tv2.3})$	5.695.162	569.516	6.264.678		Mục 4.1.5, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
a)	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi	0,126%	$(G_{xd} + G_{tb})$ trước thuế x tỷ lệ x hệ số $(\geq 2.000.000$ VND chưa VAT) * 40%	1.627.189	162.719	1.789.908		Bảng 4, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
b)	Chi phí thẩm tra đề cương	0,095%	$(G_{xd} + G_{tb})$ trước thuế x tỷ lệ x hệ số $(\geq 2.000.000$ VND chưa VAT) * 70%	2.146.985	214.699	2.631.684		Bảng 5, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
c)	Chi phí thẩm tra dự toán	0,085%	$(G_{xd} + G_{tb})$ trước thuế x tỷ lệ x hệ số $(\geq 2.000.000$ VND chưa VAT) * 70%	1.920.987	192.099	2.113.086		Bảng 6, Quyết định 1688/QĐ-BTTTT
3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng phần mềm quản lý CBCCVC	0,405%	$(G_{ld} + G_{tb})$ trước thuế x tỷ lệ $(\geq 5.000.000$ VNĐ chưa VAT)	13.075.627	1.307.563	14.383.190		
V	Chi phí khác			60.814.244	4.680.755	65.495.000	Gk	
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu Tư vấn lập Đề cương và dự toán chi tiết			6.000.000	600.000	6.600.000		

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
a)	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	0,20%	(Gtv1) trước thuế x tỷ lệ ($\geq 3.000.000$ VNĐ chưa VAT)	3.000.000	300.000	3.300.000	x Gtvdc	Nghị định 24/2024/NĐ-CP
b)	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	0,20%	(Gtv1) trước thuế x tỷ lệ ($\geq 3.000.000$ VNĐ chưa VAT)	3.000.000	300.000	3.300.000	x Gtvdc	Nghị định 24/2024/NĐ-CP
2	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu Tư vấn Lập Đề cương và dự toán chi tiết.			5.000.000	500.000	5.500.000		
a)	Chi phí thẩm định Hồ sơ mời thầu	0,10%	(Gtv1) trước thuế x tỷ lệ ($\geq 2.000.000$ VNĐ chưa VAT)	2.000.000	200.000	2.200.000	x Gtvdc	Nghị định 24/2024/NĐ-CP
b)	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,10%	(Gtv1) trước thuế x tỷ lệ ($\geq 3.000.000$ VNĐ chưa VAT)	3.000.000	300.000	3.300.000	x Gtvdc	Nghị định 24/2024/NĐ-CP
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu Xây dựng phần mềm quản lý CBCCVC		Gtd1+Gtd2	6.457.100	645.710	7.102.810	Gtd	Nghị định 24/2024/NĐ-CP

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
a)	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,10%	$(G_{xl} + G_{tb})$ trước thuế x tỷ lệ ($\geq 2.000.000$ VNĐ chưa VAT)	3.228.550	322.855	3.551.405	Gtd1	Nghị định 24/2024/NĐ-CP
b)	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,10%	$(G_{xl} + G_{tb})$ trước thuế x tỷ lệ ($\geq 3.000.000$ VNĐ chưa VAT)	3.228.550	322.855	3.551.405	Gtd2	Nghị định 24/2024/NĐ-CP
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,570%	TMĐT x tỷ lệ x hệ số	14.006.691	0	14.006.691		Thông tư 10/2020/TT-BTC
5	Chi phí thẩm định giá	1,0%		29.350.453	2.935.045	32.285.499		
VI	Chi phí dự phòng			7.192.901		7.192.901	Gdp	
	Tổng cộng		G _{xl} + G _{tb} + G _{qlđ} + G _{tv} + G _k + G _{dp}	3.486.748.942	23.699.947	3.510.448.890	Gxdct	